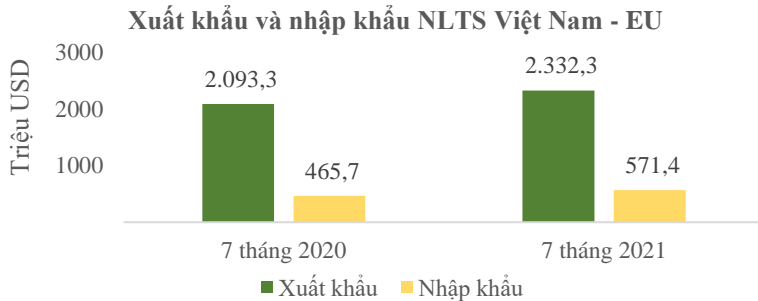


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường Liên minh Châu Âu - EU



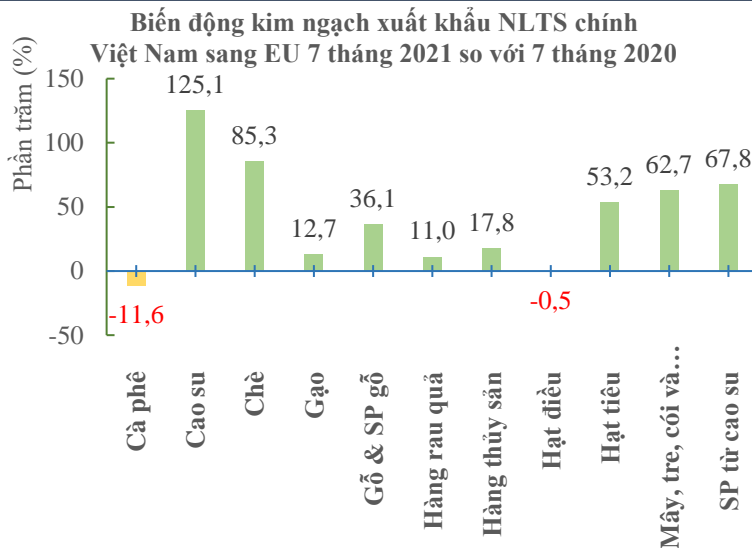
TÌNH HÌNH CHUNG



So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – EU

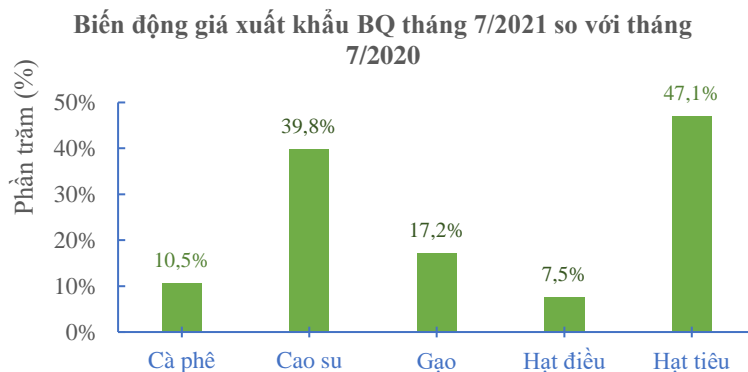
(7 tháng đầu năm 2020 và 7 tháng đầu năm 2021)

Xuất khẩu	▲ 11,4%
Nhập khẩu	▲ 22,7%



So sánh 7 tháng đầu năm 2021 với 7 tháng đầu năm 2020

Cà phê	▼ 11,6%
Cao su	▲ 125,1%
Chè	▲ 85,3%
Gạo	▲ 12,7%
Gỗ và SP Gỗ	▲ 36,1%
Rau quả	▲ 11,0%
Thủy sản	▲ 17,8%
Hạt điều	▼ 0,5%
Hạt tiêu	▲ 53,2%
Mây tre đan	▲ 62,7%
SP từ cao su	▲ 67,8%



So sánh giá xuất khẩu tháng 7/2021 với tháng 7/2020

Cà phê	▲ 10,5%
Cao su	▲ 39,8%
Gạo	▲ 17,2%
Hạt điều	▲ 7,5%
Hạt tiêu	▲ 47,1%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo số liệu của Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat) công bố ngày 17/8, nền kinh tế châu Âu trở lại tăng trưởng mạnh mẽ trong quý 2 năm nay, nhờ những tiến triển trong việc tiêm chủng vaccine ngừa Covid-19 và việc dỡ bỏ dần các hạn chế về sức khỏe. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Khu vực đồng euro (Eurozone) trong quý 2/2021 tăng 2% so với quý 1/2021, sau hai quý giảm liên tiếp, phù hợp với ước tính đầu tiên được công bố vào cuối tháng 7/2021. Đối với toàn Liên minh châu Âu (EU), mức tăng trưởng kinh tế đạt 1,9%. Trong số các quốc gia hàng đầu châu Âu, Pháp ghi nhận mức tăng thấp nhất (tăng 0,9%), xếp sau Tây Ban Nha (tăng 2,8%), Italy (tăng 2,7%) và Đức (tăng 1,5%). Riêng Bồ Đào Nha có mức tăng GDP cao nhất với mức tăng 4,9%. Với mức tăng trưởng này, kinh tế Eurozone cho thấy hoạt động tốt hơn Mỹ (tăng 1,6%) và Trung Quốc (tăng 1,3%).

Sự cải thiện trong tăng trưởng đã có những tác động trở lại thị trường việc làm. Theo Eurostat, số người có việc làm tăng 0,5% ở Eurozone và tăng 0,6% ở EU trong giai đoạn từ tháng 4-6/2021, sau khi giảm 0,2% trong giai đoạn từ tháng 1-3/2021. Số việc làm ở Eurozone trong quý 2/2021 đã tăng 1,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Vừa qua, Ủy ban châu Âu (EC) nhận định khi đại dịch Covid-19 tiếp tục lây lan ở Châu Âu, trong bối cảnh sự lây lan mạnh của biến thể Delta của virus SARS-CoV-2 gây dịch Covid-19, GDP sẽ trở lại mức trước khủng hoảng vào quý 4/2021. Các quốc gia phía Nam châu Âu bị ảnh hưởng nặng nề nhất do ngành du lịch phải đóng cửa vì đại dịch. Việc phục hồi sẽ thậm chí phải đợi đến nửa cuối năm 2022.

Ngày 16/8, Liên minh châu Âu (EU) đã chấp thuận cho phép Quỹ Bảo lãnh châu Âu, do Ngân hàng Đầu tư châu Âu (EIB) quản lý, bảo lãnh cho các đợt chứng khoán hóa để giúp các doanh nghiệp tại 22 quốc gia thành viên EU chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19. Chứng khoán hóa là nghiệp vụ phát hành những công cụ tài chính mới bằng cách kết hợp các tài sản tài chính khác lại với nhau, sau đó bán những sản phẩm này cho các nhà đầu tư. Quá trình này có thể bao gồm bất cứ loại tài sản tài chính nào và thúc đẩy tính thanh khoản trên thị trường. Ủy ban châu Âu (EC) còn cho biết với ngân sách dự kiến 1,4 tỷ euro (1,65 tỷ USD), những sản phẩm mới sẽ giúp huy động ít nhất 13 tỷ euro cho vay mới cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

Lạm phát trong khu vực đồng Euro tăng trở lại vào tháng 8, cao hơn mức 2,2% trong tháng 7. Điều này xảy ra sau khi Đức báo cáo giá tiêu dùng cao nhất kể từ năm 2008, đạt 3,4% trong tháng 8. Pháp cũng báo cáo tỷ lệ lạm phát cao nhất trong gần 3 năm vào ngày 31/8/2021. Nguyên nhân chính do các hộ gia đình ở khu vực đồng Euro đã tích lũy được khoản tiết kiệm dư thừa đáng kể trong thời gian phong tỏa ngắn hạn. Một số quan ngại cho rằng lạm phát hiện đã tăng hơn mức cao nhất 2,6% mà ECB đã dự đoán cho quý IV/2021. Với khả năng lạm phát tăng cao hơn nữa cho đến tháng 11, ECB gần như chắc chắn sẽ phải nâng dự báo lạm phát tại cuộc họp vào ngày 09/9.

Về thương mại NLTS của EU với Việt Nam, trong 7 tháng đầu năm 2021, Việt Nam đã xuất khẩu hơn 2,3 tỷ USD sang EU, trong khi nhập khẩu gần 0,6 tỷ USD, tăng 11,4% về xuất khẩu và 22,7% về nhập khẩu so với cùng kỳ năm 2020. Trong 7 tháng đầu năm 2021, về các mặt hàng nông sản xuất khẩu sang EU, cà phê và hạt điều có xu hướng giảm 11,6% và 0,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, cao su, chè, gạo, gỗ & SP gỗ, hàng rau quả, hàng thủy sản, hạt tiêu, mây, tre, cói và thảm, và SP từ cao su tăng với tốc độ lần lượt là: 125,1%, 85,3%, 12,7%, 36,1%, 11,0%, 17,8%, 53,2%, 62,7%, và 67,8%.

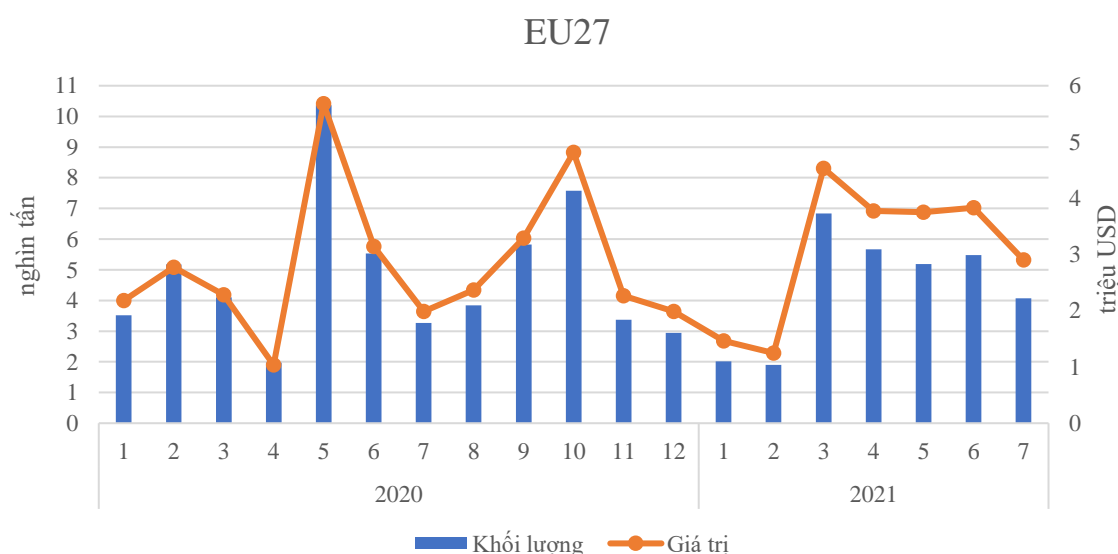
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 8/2021 của USDA, sản lượng gạo của EU trong năm 2020/21 vẫn được dự báo là sẽ đạt xấp xỉ so với năm trước với khoảng 2,0 triệu tấn. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu năm 2020/21 của EU ước tính đạt 2,45 triệu tấn, tăng 50 nghìn tấn so với năm ngoái.

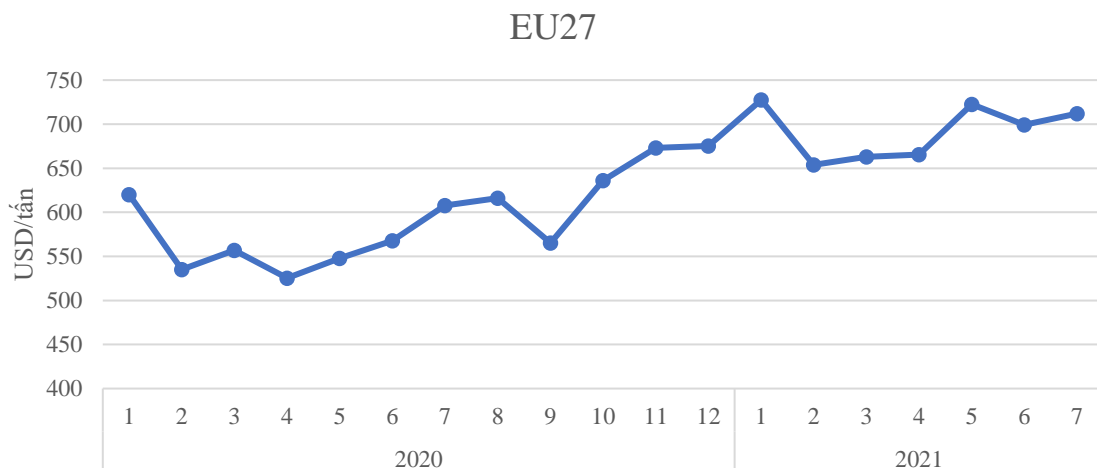
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2021, Việt Nam xuất khẩu được 4,1 nghìn tấn gạo, trị giá 2,9 triệu USD sang thị trường EU, giảm 25,7% về khối lượng và 24,3% về giá trị so với tháng trước, nhưng tăng 24,7% về khối lượng và 46,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 7 tháng đầu năm 2021 đạt 31,2 nghìn tấn, trị giá 21,5 triệu USD, giảm 8,1% về khối lượng nhưng tăng 12,7% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

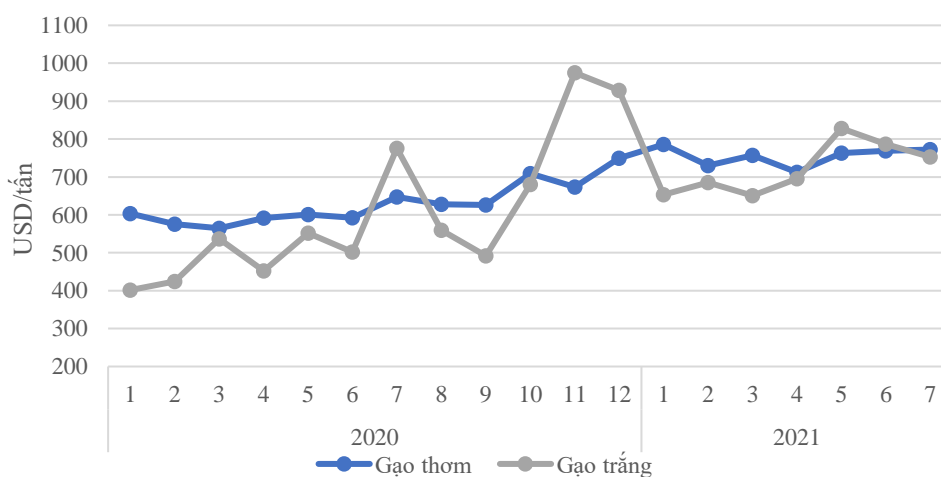
Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường EU tháng 7/2021 đạt 712,0 USD/tấn, tăng 1,8% so với tháng trước và 17,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang EU đạt 2,9 nghìn tấn, trị giá 2,1 triệu USD (chiếm 71,6% về khối lượng và 71,9% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang EU đã tăng 5,5% về khối lượng và 23,8% về giá trị.

Giá gạo thơm tháng 7/2021 đạt trung bình 772,7 USD/tấn, tăng 0,5% so với tháng trước và 19,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo trắng đạt 753,2 USD/tấn, giảm 4,2% so với tháng trước và 2,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đại Dương Xanh, Công ty CP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An và Công ty CP Thương mại Dịch vụ Gạo Thịnh. Ba công ty này lần lượt chiếm 40,2%, 11,7% và 7,9% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường EU

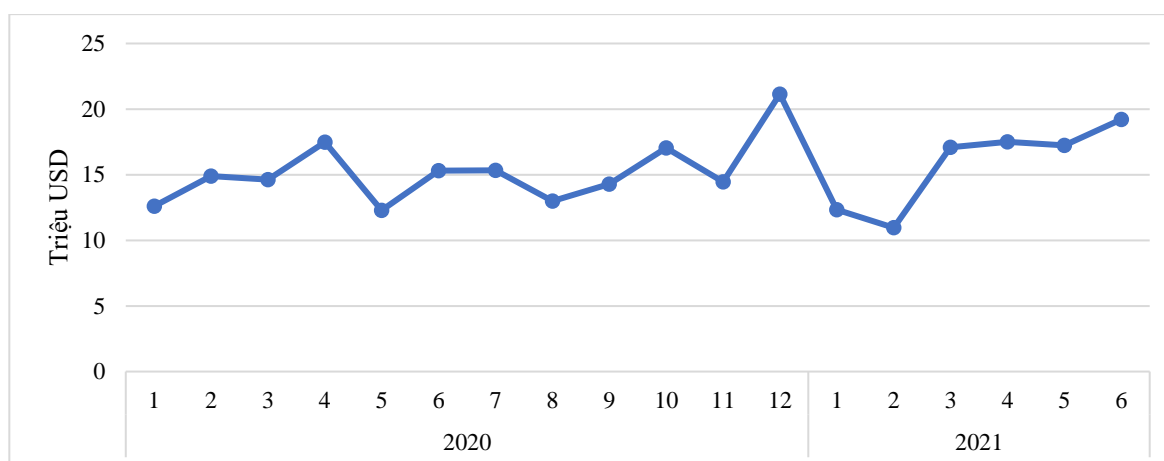
trong tháng 7/2021. So với cùng kỳ năm 2020, kim ngạch xuất khẩu của các công ty này ước tính tăng trưởng như sau: Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đại Dương Xanh, và Công ty CP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An đã tăng lần lượt 45,0% và 101,4%, trong khi Công ty CP Thương mại Dịch vụ Gạo Thịnh không xuất khẩu trong tháng 7/2020 nhưng có xuất khẩu trong tháng 7/2021.

2. RAU QUẢ

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), sản lượng bưởi, chanh và quýt tại Liên minh châu Âu (EU) sẽ tăng, cụ thể như sau: (i) Sản lượng bưởi dự báo tăng nhẹ lên 96.000 tấn do thời tiết thuận lợi, nhưng vẫn là mức thấp thứ ba trong 10 năm, tiêu thụ tăng lên và khi nhập khẩu cũng tăng; (ii) Sản lượng chanh được dự báo sẽ tăng 11% lên 1,6 triệu tấn do thời tiết thuận lợi và diện tích thu hoạch tăng, tiêu thụ và xuất khẩu tăng nhờ nguồn cung tăng, trong khi nhập khẩu dự kiến sẽ giảm; (iii) Sản lượng quýt dự báo sẽ tăng 597.000 tấn lên 3,4 triệu tấn do sản lượng ở Tây Ban Nha và Ý tăng do điều kiện thời tiết thuận lợi, xuất khẩu được dự báo sẽ tăng và nhập khẩu giảm.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU tháng 7 năm 2021 đạt 19,5 triệu USD, chiếm 7,3% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 27,1% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu đạt 113,8 triệu USD, chiếm 5,0% thị phần và tăng 11,0% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường EU



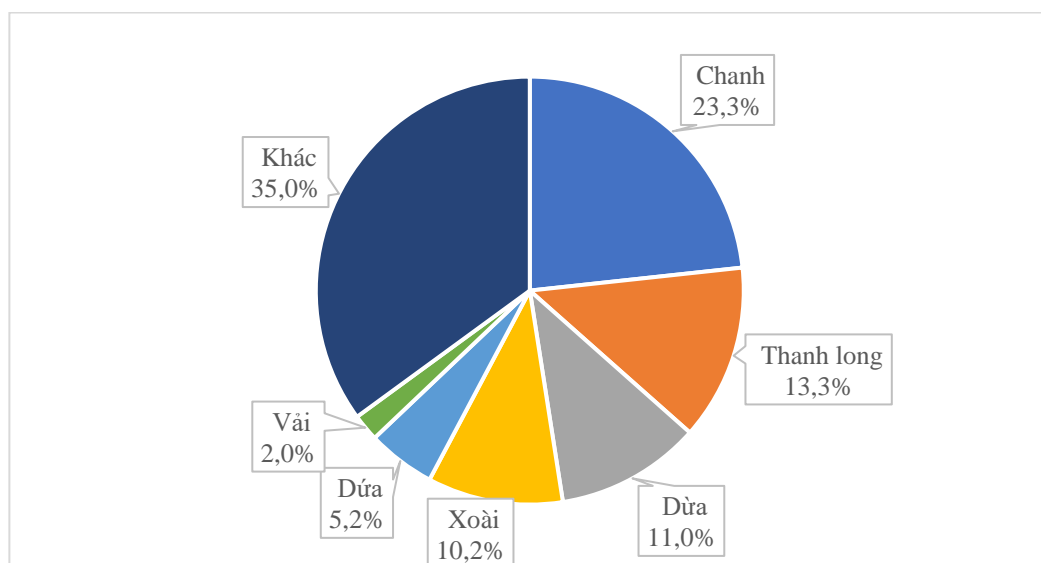
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU trong tháng 7 năm 2021 chủ yếu là trái cây (đạt 16,7 triệu USD, chiếm 85,5% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang

EU), trong đó các loại trái cây chưa qua chế biến (tươi, khô, đông lạnh...) chiếm tới 49,1% (so cùng kỳ 2020 là 49,6%), trái cây chế biến chiếm 36,4% (cùng kỳ 2020 là 33,4%). Mặt hàng rau đạt 2,8 triệu USD (chiếm 14,5%), trong đó chủ yếu là rau chưa qua chế biến (rau tươi, khô hoặc đông lạnh) với 11,6% (năm 2020 là 13,8%), rau chế biến chiếm 2,9% (năm 2020 là 3,2%).

Các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất sang EU trong tháng 7/2021 bao gồm chanh đạt 4,5 triệu USD (chiếm 23,3% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 7,7% so với cùng kỳ năm 2020; thanh long đạt 2,6 triệu USD (chiếm 13,3%), tăng 140,8%; dưa đạt 2,1 triệu USD (chiếm 11,0%), tăng 108,5%; xoài đạt 2,0 triệu USD (chiếm 10,2%), tăng 87,6%; dứa đạt 1,0 triệu USD (chiếm 5,2%), tăng 15,6%;...

Hình 5: Cơ cấu một số loại rau quả chính xuất khẩu sang EU trong tháng 7/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, rau quả chế biến đạt 7,7 triệu USD (chiếm 39,3% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 36,8% so với cùng kỳ 2020. Tỷ trọng các loại sản phẩm chế biến lần lượt là: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) chiếm 60,2% tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm chế biến, tăng 25,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) chiếm 28,4%, tăng 65,1%; ...

Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường EU tháng 7 năm 2021 đạt 1,6 triệu USD, chiếm 1,2% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu đạt 19 triệu USD, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 7/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là khoai tây đạt 576,7 nghìn USD (chiếm 35,5% thị phần), tăng 4,2% so với cùng kỳ năm 2020; táo đạt 328,5 nghìn USD (chiếm 20,2%), tăng 88,2%; ...

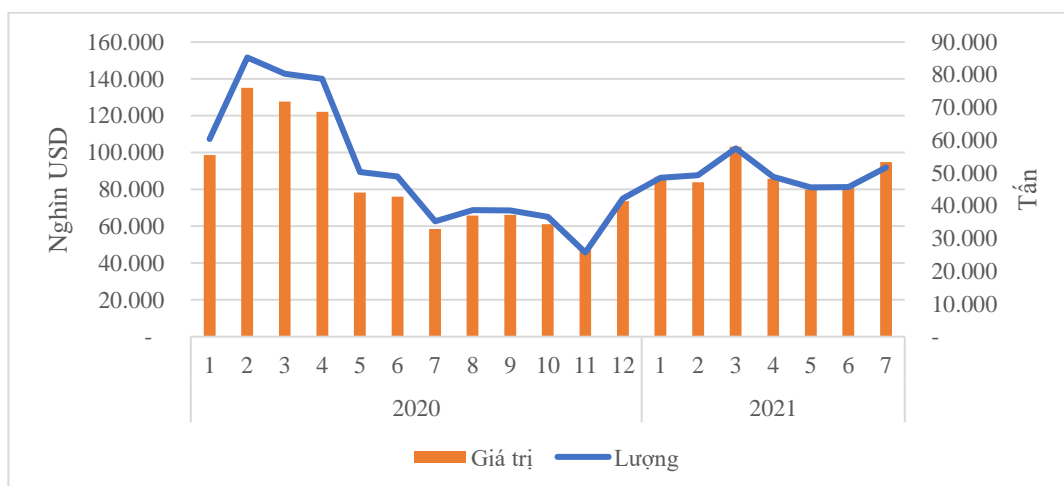
Trong tháng 7/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại KCN Biên Hòa II, Công ty CP Công nghiệp Thực phẩm Thabico và Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ với thị phần xuất khẩu lần lượt là: 10,2%; 9,4% và 8,9%. So với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại KCN Biên Hòa II giảm 31,1%, Công ty CP Công nghiệp Thực phẩm Thabico tăng 95,4% và Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ tăng 56,8%.

3. CÀ PHÊ

Công ty LDC có trụ sở tại Hà Lan đã ký thỏa thuận liên doanh với công ty cà phê nhãn hiệu tư nhân Instanta của Ba Lan để xây dựng và vận hành nhà máy cà phê hòa tan đông khô tại tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Liên doanh sẽ hoạt động dưới tên ILD Coffee Việt Nam, với dự kiến bắt đầu xây dựng vào nửa đầu năm 2022. Được thành lập vào năm 1851, LDC là một trong năm nhà cung cấp cà phê nhân hàng đầu thế giới và phục vụ nhiều đối tượng khách hàng từ các nhà rang xay đặc biệt đến các công ty thực phẩm đa quốc gia. Instanta, được thành lập vào năm 2001, chuyên sản xuất cà phê dưới thương hiệu của khách hàng. Tập đoàn vận hành bảy nhà máy ở Ba Lan, Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Colombia và Việt Nam.

EU là thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam, chiếm khoảng 40% giá trị xuất khẩu. Trong tháng 7/2021, xuất khẩu cà phê của Việt Nam vào thị trường EU đạt 51,63 nghìn tấn, trị giá 94,77 triệu USD, tăng 12,96% về lượng và tăng 16,11% về giá trị so với tháng trước; đồng thời tăng 46,42% về lượng và tăng 61,87% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

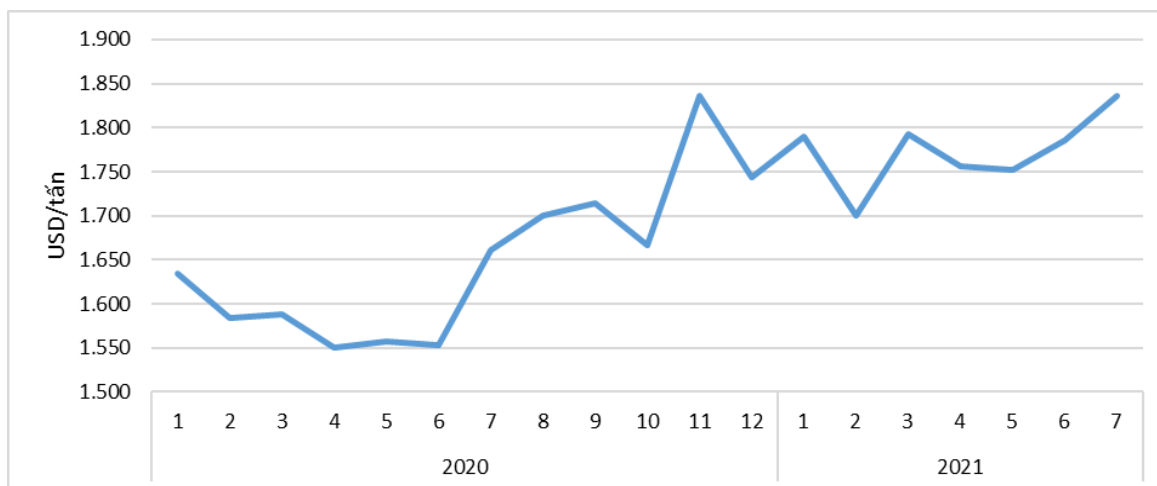
Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cà phê Robusta tại London trong tháng 7/2021 tăng do tình trạng thiếu container và chi phí vận tải tăng cao, cùng với việc lo ngại nguồn cung giảm do Brazil giảm sản lượng. Giá xuất khẩu tháng 7 thị trường EU là 1.835 USD/tấn, tăng 2,79% so với tháng trước và tăng 10,55% so với cùng kỳ.

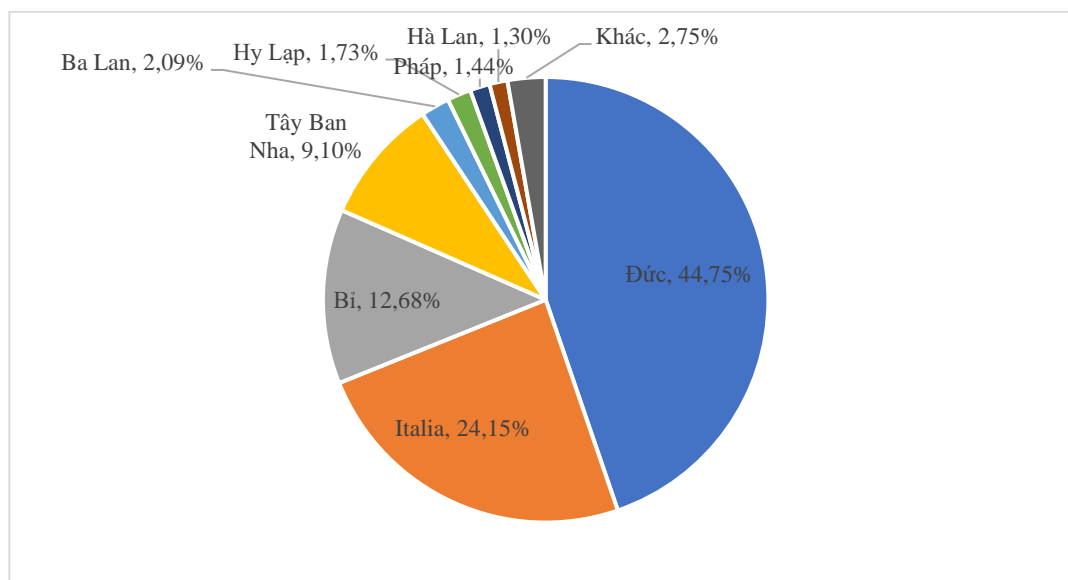
Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Các thị trường nhập khẩu cà phê Việt Nam lớn nhất tại EU trong tháng 7/2021 lần lượt là Đức chiếm tỷ trọng 44,75 %, Italia chiếm 24,15%, Bỉ chiếm 12,68%, Tây Ban Nha chiếm 9,1%.

Hình 8: Cơ cấu xuất khẩu cà phê Việt Nam sang các nước EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

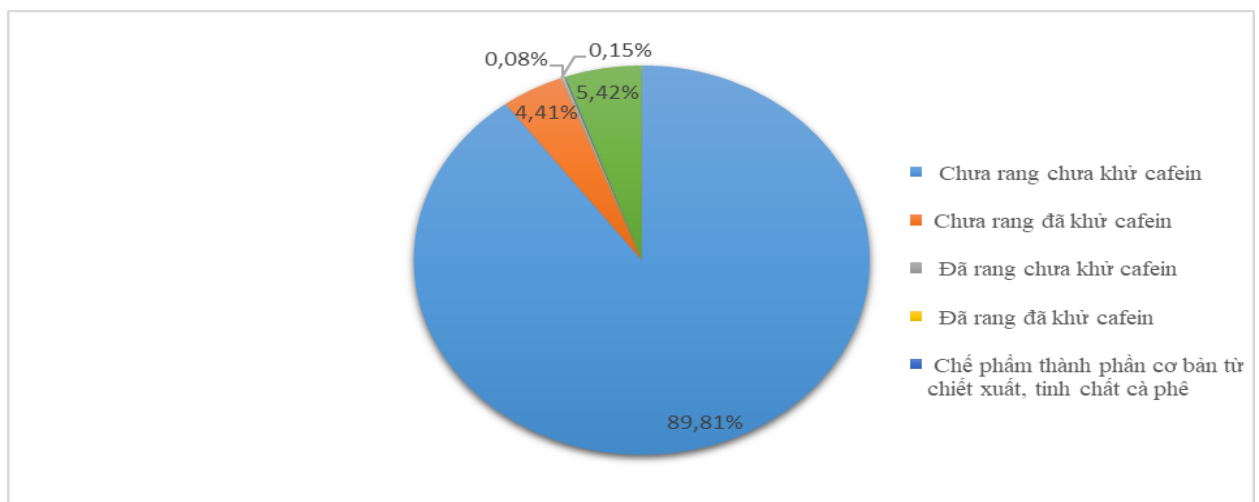
So với tháng trước, một số thị trường có kim ngạch tăng, cao nhất là Hungari (tăng 845%), Bỉ (tăng 44%), Rumania (tăng 41%), Phần Lan (tăng 38%), Hy Lạp và

Đức (tăng 36%)... trong khi đó một số thị trường có kim ngạch giảm là: Hà Lan (giảm 43%), Pháp (giảm 37%), Tây Ban Nha (giảm 36%)...

Về cơ cấu sản phẩm, Việt Nam chủ yếu xuất khẩu cà phê nhân, chiếm 94,45%, cà phê hòa tan chế biến, tinh chất chiếm 5,55%, trong khi cùng kỳ năm 2020 tỷ trọng này là 9,01%, cụ thể:

Cà phê chưa rang, chưa khử caffein đạt 85,11 triệu USD, chiếm tỷ trọng 88,81%, tăng 65,24% so với cùng kỳ. Xuất khẩu cà phê chưa rang, đã khử caffein đạt 4,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,41 %, tăng 172 % so với cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 146 triệu USD, chiếm tỷ trọng 0,15%, tăng 0,15% so với cùng kỳ. Trong khi đó, tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt 5,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5,42%, giảm 2,47 % so với cùng kỳ.

Hình 9: Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang EU



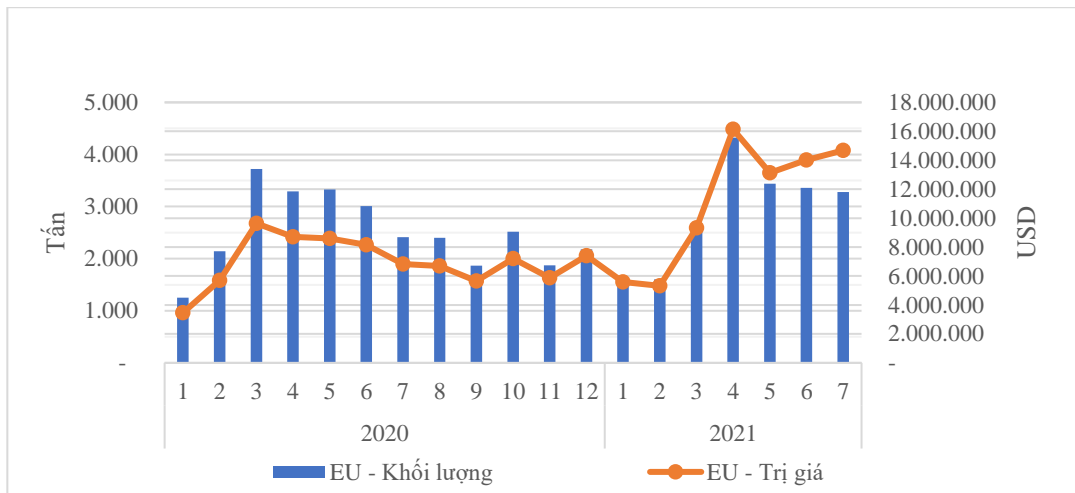
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là: Công ty cổ phần Intimex Mỹ Phước, Công ty cổ phần Tập đoàn Intimex, Công Ty TNHH Dakman Việt Nam, với thị phần lần lượt là: 10,77%; 9,04% và 6,82%.

4. HỒ TIÊU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2021, Việt Nam xuất khẩu được 3.279 tấn hồ tiêu với trị giá 14,68 triệu USD, tiếp tục giảm nhẹ ở mức 2,38% về khối lượng, mức giảm tương tự như tháng trước đó, nhưng tăng 4,70% về giá trị so với tháng trước, tăng 35,89% về khối lượng và tăng 114,84% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

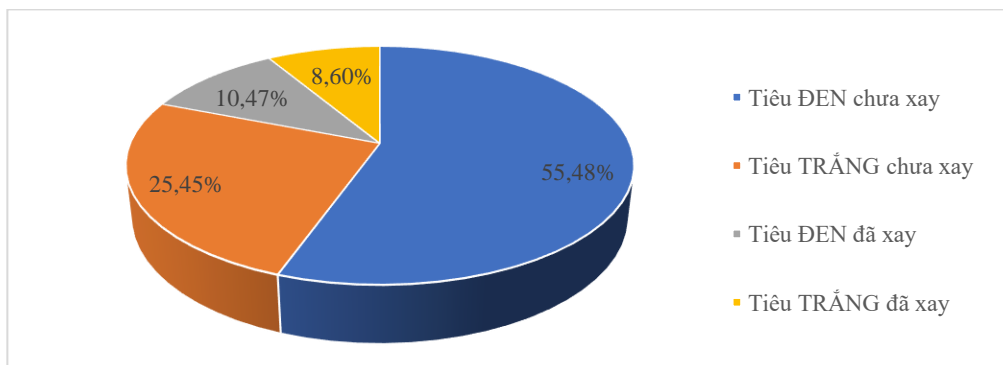
Hình 10: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 55,48% tổng giá trị xuất khẩu tiêu vào EU, tăng 1,93% so với tháng trước và giảm 5,06% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu trắng chưa xay, chiếm 25,45% tổng giá trị xuất khẩu vào thị trường này, giảm nhẹ 1,34% so với tháng trước và tăng 5,77% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng này, số liệu hải quan xuất khẩu ghi nhận thị trường này không nhập khẩu các sản phẩm phụ của tiêu như vỏ tiêu, tiêu lép....

Hình 11: Cơ cấu xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU tháng 7/2021

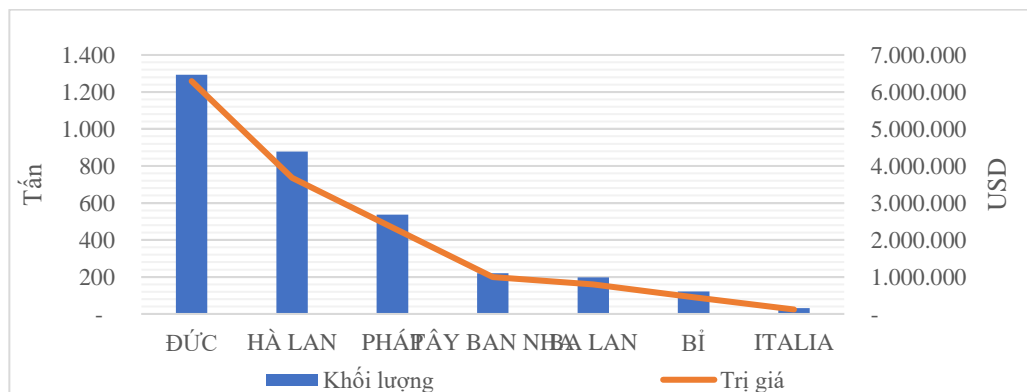


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đức vẫn tiếp tục là quốc gia dẫn đầu trong khối EU về khối lượng và kim ngạch nhập khẩu hồ tiêu từ Việt Nam trong tháng 7/2021 với 1,293 tấn (chiếm 39,43% tổng khối lượng xuất khẩu tiêu của Việt Nam vào EU, tăng 15,65% so với tháng trước), đạt trị giá xấp xỉ 6,3 triệu USD (chiếm 42,85% tổng kim ngạch xuất khẩu tiêu của Việt Nam vào EU, tăng 22,04% so với tháng trước). Xếp thứ hai vẫn là Hà Lan với 878 tấn (chiếm 26,78%, giảm 11,49%), đạt 3,67 triệu USD (chiếm 25,03%, giảm 10,65%) và Pháp với 537 tấn (chiếm 16,38%, tăng 19,6%), đạt 2,34 triệu USD (chiếm 15,95%, tăng 49,22%). Trong tháng 7/2021, Italia trở thành thị trường nhập khẩu tiêu

thấp nhất trong khối EU của Việt Nam do giảm sút đáng kể về kim ngạch nhập khẩu, chỉ đạt 31 tấn (chiếm 0,95%) với 120 nghìn USD (chiếm 0,82%), giảm 82,97% về khối lượng và 83,76% về giá trị so với tháng 6/2021.

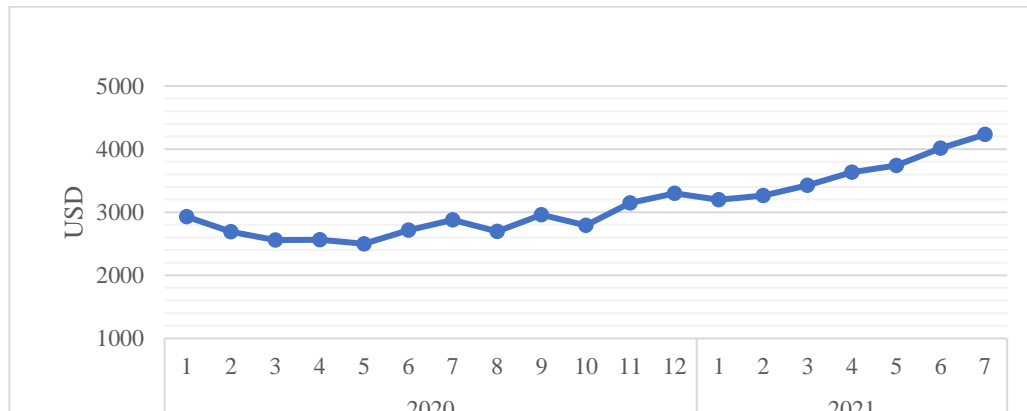
Hình 12: Kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam tới các nước trong khối EU tháng 7/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cùng với giá trị xuất khẩu, đơn giá xuất khẩu hồ tiêu vào EU vẫn tăng liên tục kể từ tháng 1/2021. Giá xuất khẩu trung bình tháng 7/2021 đạt mức 4.230 USD/tấn, tăng 5,4% so với tháng trước và tăng 47,1% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 13: Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

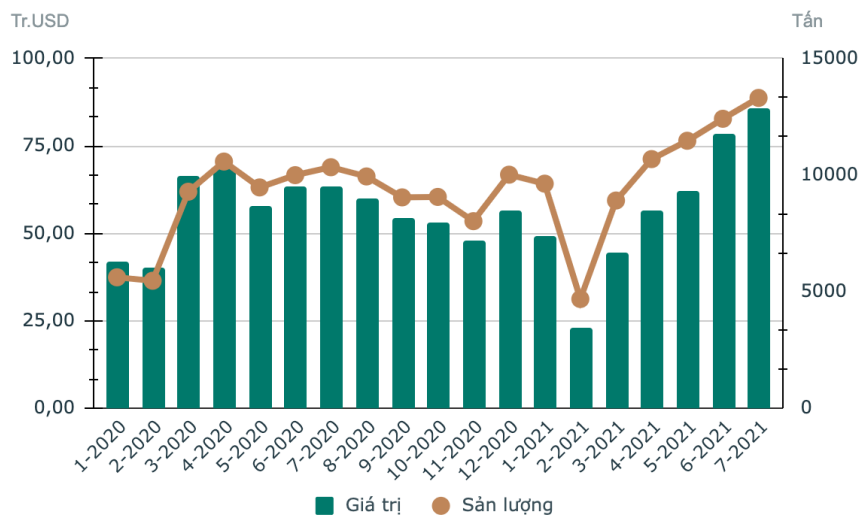
Trong tháng 7/2021, giữ vị trí số 1 trong Top 3 doanh nghiệp xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU là Công ty Cổ phần Tập đoàn Trân Châu, chiếm 22,5% tổng giá trị hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường này. Đây là doanh nghiệp thành viên của Công ty CP Thương mại – Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Trân Châu vốn là luôn nằm trong Top 3 về kim ngạch xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang EU. Xếp thứ hai là Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ Xuất Nhập Khẩu Hà Nội, chiếm 20,28%, và Chi nhánh Long Bình của Công ty TNHH Olam Việt Nam, chiếm 13,11%. Trong Top 3 doanh nghiệp này, chỉ có Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ Xuất Nhập Khẩu Hà Nội là có mức tăng trưởng rất đáng chú ý, tăng 3.138% so với tháng trước và tăng 290,6% so

với cùng kỳ năm trước, còn hai doanh nghiệp còn lại đều có mức giảm xút về giá trị, lần lượt là 19,8% và 8,4% so với tháng trước.

5. HẠT ĐIỀU

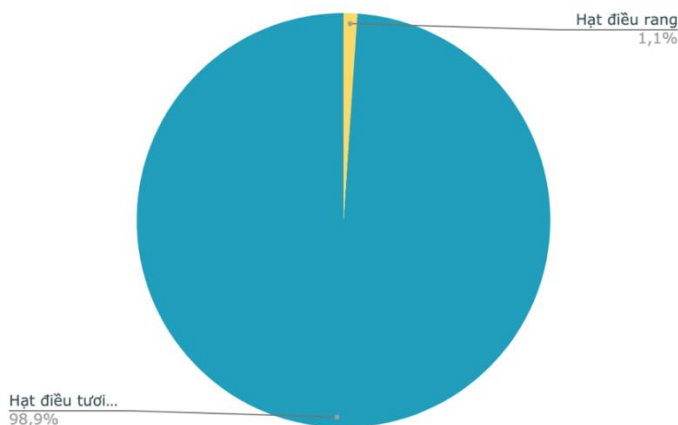
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2020, Việt Nam xuất khẩu được 12,42 nghìn tấn điều, trị giá 85,77 triệu USD sang thị trường EU, tăng 34,9% về khối lượng và tăng 9,4% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Tính hết 7 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 399,9 triệu USD, tương ứng với 71,12 ngàn tấn, giảm 0,49% về giá trị và tăng 17,3% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Hình 15: Cơ cấu sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường EU tháng 7/2021



So với tháng 7/2020

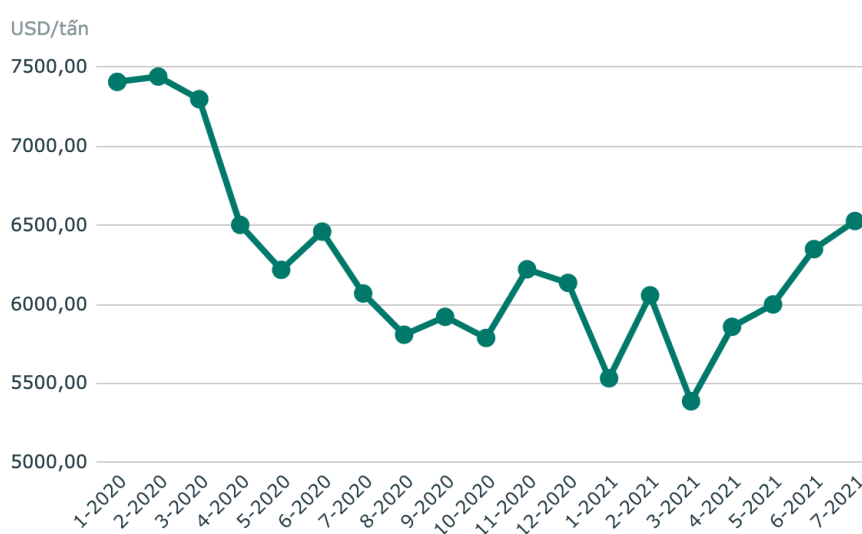
- Hạt điều rang đạt 0,91 (tr.USD), ▲ 66,8%
- Hạt điều tươi chưa bóc vỏ đạt 84,86 (tr.USD), ▲ 7,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Dịch Covid-19 đang ảnh hưởng lớn đến sản xuất và giá trị xuất khẩu hạt điều. Tuy nhiên giá trị xuất khẩu hạt điều sang thị trường này vẫn được nhịp tăng trưởng khả quan (tăng 9,4% về giá trị và 7,2% về khối lượng so với tháng trước).

Tháng 7/2021, giá xuất khẩu điều sang thị trường này có xu hướng tăng nhẹ so với tháng trước, đây là tháng thứ 4 giá xuất khẩu điều Việt Nam tăng đạt 6.528,01 USD/tấn, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước và tăng 2,8% so với tháng 6/2021. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm trước giá xuất khẩu điều vẫn giảm 1,7%

Hình 16: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với điều tươi đã bóc vỏ, giá xuất khẩu bình quân sang thị trường này tháng 7/2021 đạt trung bình là 6,64 USD/kg, giảm 0,3% so với tháng trước và tăng 5,5% so với cùng kỳ năm trước. Đối với hạt điều rang đạt trung bình đạt 9,67 USD/kg tăng lần lượt là 3,7% và 14,6% so với tháng trước và cùng kỳ năm trước.

Tháng 7/2021, 3 công ty xuất khẩu điều lớn nhất sang thị trường này bao gồm: Công ty trách nhiệm hữu hạn Olam Việt Nam chiếm 6,57%; Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn Olam Việt Nam tại Biên Hoà II, chiếm 6,05%; Công ty TNHH Điều INTERSNACK Việt Nam chiếm 5,92%.

6. THỦY SẢN

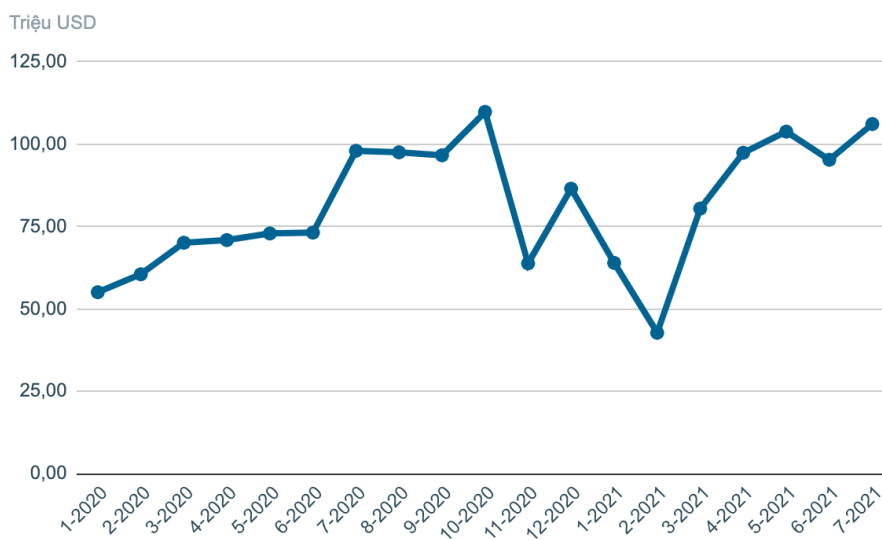
Nửa đầu năm 2021, nhu cầu cá ngừ đóng hộp toàn cầu ở mức thấp hơn so với cùng kỳ năm 2020 do lượng tồn kho của các nhà bán lẻ ở mức cao. Tồn kho cá ngừ đóng hộp ở mức cao do các nhà bán lẻ đẩy mạnh mua vào trong thời điểm đại dịch Covid-19 bùng phát, đã bắt đầu ảnh hưởng tới hoạt động xuất nhập khẩu mặt hàng

trong quý cuối cùng của năm 2020 và kéo dài sang năm 2021. Các kho hàng tại các trung tâm phân phối như Hà Lan và Đức chứa đầy các sản phẩm được đóng gói sẵn, chỉ chờ được phân phối đến các siêu thị trên khắp EU. Bên cạnh đó, mức phí vận chuyển đường biển cao chưa từng có đối với các container xuất phát từ Châu Á khiến nhiều người mua quyết định hoãn đơn đặt hàng để chờ phí vận chuyển giảm. Do đó, thương mại toàn cầu cá ngừ đóng hộp giảm mạnh so với trước khi bùng phát dịch Covid-19.

Ở thị trường Châu Âu, giá bán trung bình cá tra của Việt Nam thấp do xuất khẩu cá tra phải cạnh tranh gay gắt với nhiều loại sản phẩm cá thịt trắng đang giảm giá. Theo Kontali, sản lượng cá thịt trắng năm 2021 dự kiến đạt 13 triệu tấn, tăng 4% so với cùng kỳ năm ngoái trong khi nhập khẩu cá trắng của EU giảm 17% trong 6 tháng đầu năm 2021.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 7/2021, xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU đạt 106,12 triệu USD, tăng 8,3% so cùng kỳ năm 2020, và giảm 11,40% so với tháng 6/2021. Bên cạnh Hoa Kỳ, EU là thị trường vẫn giữ được đà tăng trưởng dương và ổn định trong 7 tháng đầu năm 2021, tổng giá trị xuất khẩu đạt 589,9 triệu USD tăng 17,81% so với cùng kỳ năm trước.

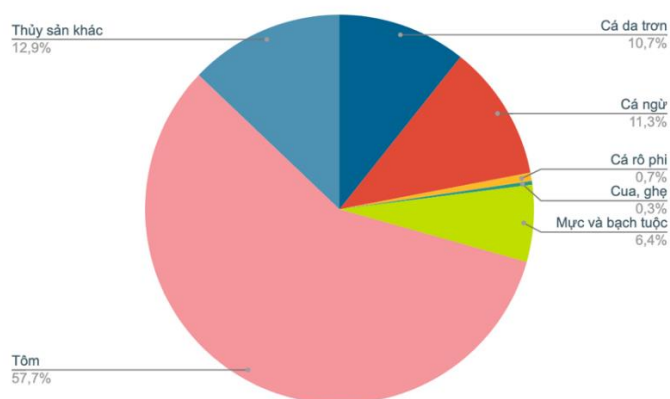
Hình 17: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bên cạnh thị trường Hoa Kỳ, thị trường EU cũng là thị trường giữ được đà tăng trưởng cao từ tháng 2 đến nay. Những mặt hàng thủy sản có tốc độ tăng trưởng tốt trong tháng 7/2021 có thể kể đến tôm tăng 12,2%; cá rô phi tăng 17%.

Hình 18: Cơ cấu xuất khẩu các mặt hàng thủy sản sang thị trường EU tháng 7/2021



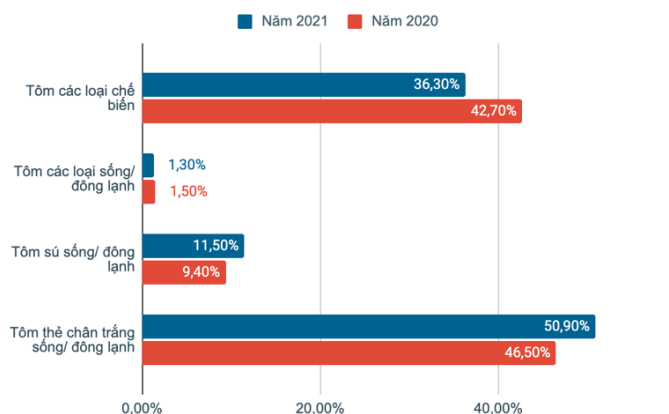
So với tháng 7/2020

- ✚ Cá rô phi đạt 0,71 (tr.USD) ▲ 59,6%
- ✚ Mực và bạch tuộc đạt 6,8 (tr.USD) ▲ 59,1%
- ✚ Cá da trơn đạt 11,39 (tr.USD) ▲ 17%
- ✚ Tôm đạt 61,29 (tr.USD) ▲ 12,2%
- ✚ Thủy sản khác đạt 13,65 (tr.USD) ▲ 4,2%
- ✚ Cá ngừ đạt 11,69 (tr.USD) ▼ 19,7%
- ✚ Cua ghẹ đạt 0,32 tr.USD, ▼ 65,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Theo Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu tôm của hầu hết các nước nhập khẩu lớn trên thế giới trong các tháng đầu năm 2021 tăng so với cùng kỳ năm 2020, trừ nhập khẩu của Trung Quốc, Anh và Hồng Kông giảm. Đặc biệt, nhu cầu nhập khẩu của Hoa Kỳ và EU tăng khi kinh tế phục hồi nhờ thúc đẩy chương trình tiêm chủng vắc xin ngừa Covid-19, các quy định về đi lại được nới lỏng, dịch vụ ăn uống được mở cửa một phần nên nhu cầu tiêu thụ thực phẩm tăng so với giai đoạn trước. Nhập khẩu tôm của EU trong 4 tháng đầu năm 2021 tăng 10% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 1,81 tỷ USD. Việt Nam là thị trường cung cấp tôm lớn thứ 4 trong số các thị trường cung cấp ngoài khối của EU. Nhờ ưu đãi về thuế từ Hiệp định EVFTA, tôm của Việt Nam có khả năng cạnh tranh tốt hơn so với tôm của Ê-cu-a-đo, Ấn Độ, do đó nhập khẩu từ Việt Nam tăng cao hơn so với các thị trường cung cấp khác. Tuy nhiên, thị phần tôm Việt Nam cũng mới chỉ chiếm 9% trong tổng nhập khẩu của EU.

Hình 19: Cơ cấu sản phẩm tôm xuất khẩu sang thị trường EU tháng 7/2021



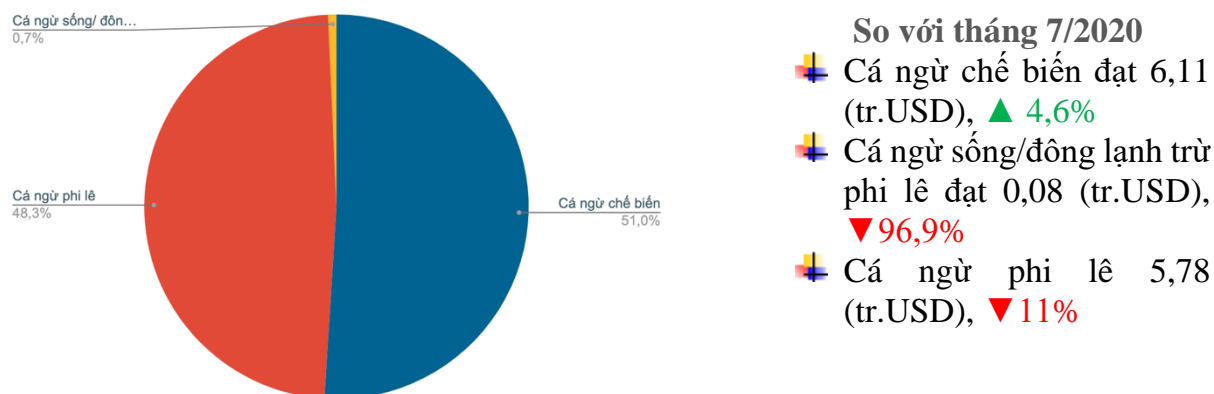
So với tháng 7/2020

- ✚ Tôm sú sống/đông lạnh đạt 7,04 (tr.USD), ▲ 37,4%
- ✚ Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 31,19 (tr.USD), ▲ 22,9%
- ✚ Tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,8 (tr.USD), ▲ 0,1%
- ✚ Tôm chế biến các loại khác đạt 22,27 (tr.USD), ▼ 4,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 7/2021, xuất khẩu cá ngừ sang thị trường này đang có xu hướng chững lại và giảm một phần do tác động tiêu cực của đợt bùng phát dịch lần thứ 4 mang lại (khó khăn trong, đánh bắt, chế biến, vận chuyển...).

Hình 20: Cơ cấu sản phẩm cá ngừ xuất khẩu sang thị trường EU tháng 7 năm 2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu bình quân một số mặt hàng xuất khẩu thủy sản sang thị trường này trong tháng 7/2021 như sau: Tôm đạt 8,98USD/kg, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm 2020, và 2% so với tháng trước; Cá da trơn đạt 2,23 USD/kg, tăng 10,9% so với tháng 7/2020 và 1,9% so với tháng 6/2021.

Bảng 1: Giá xuất khẩu một số loại thủy sản sang thị trường EU tháng 7/2021

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,23	10,90%	1,90%
2	Cá ngừ	7,79	13,40%	-2,20%
3	Cá rô phi	2,38	8,80%	21,20%
4	Cua, ghẹ	8,66	-23,00%	47,00%
5	Mực và bạch tuộc	6,06	6,50%	-0,50%
6	Tôm	8,98	6,70%	2,00%

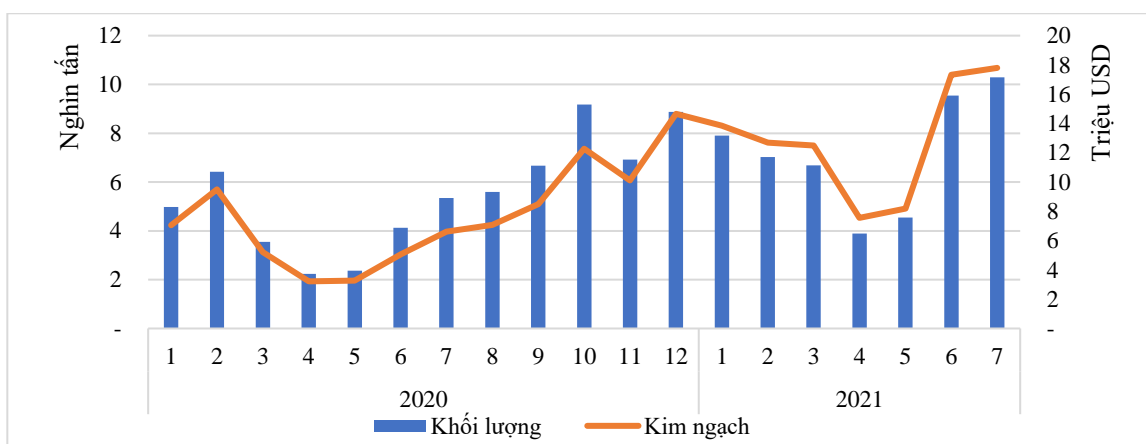
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 7 năm 2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước chiếm 5% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty TNHH cá ngừ Việt Nam, chiếm 4,6%; Công ty cổ phần chế biến và dịch vụ thủy sản Cà Mau chiếm 4,3%.

7. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 7/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường EU ước đạt 10,3 nghìn tấn với trị giá 17,8 triệu USD, tăng 7,9% về khối lượng và 2,7% về giá trị so với tháng trước, và tăng 92,7% về khối lượng và 169,4% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

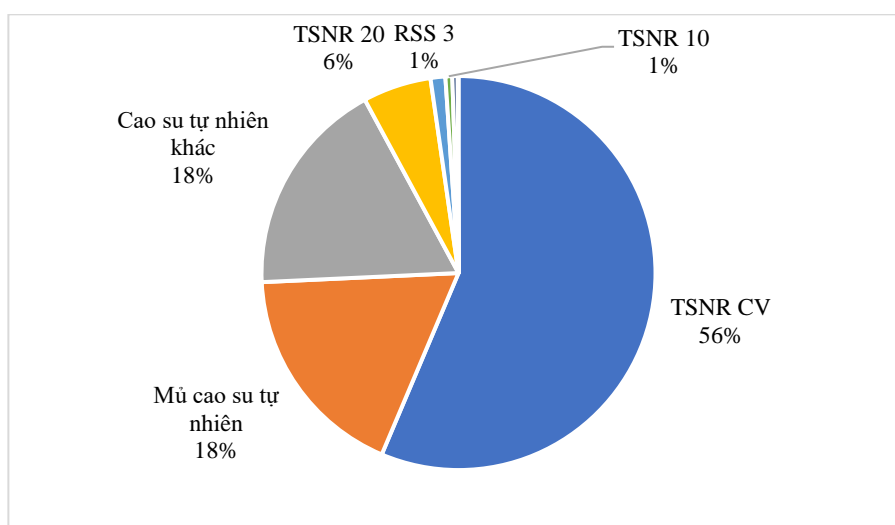
Hình 21: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 10,3 triệu USD, chiếm 56,4% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là mù cao su tự nhiên với kim ngạch 3,3 triệu USD, chiếm 17,9% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR 20 và RSS 3, chiếm lần lượt 5,6% và 1,2% tổng giá trị xuất khẩu sang EU.

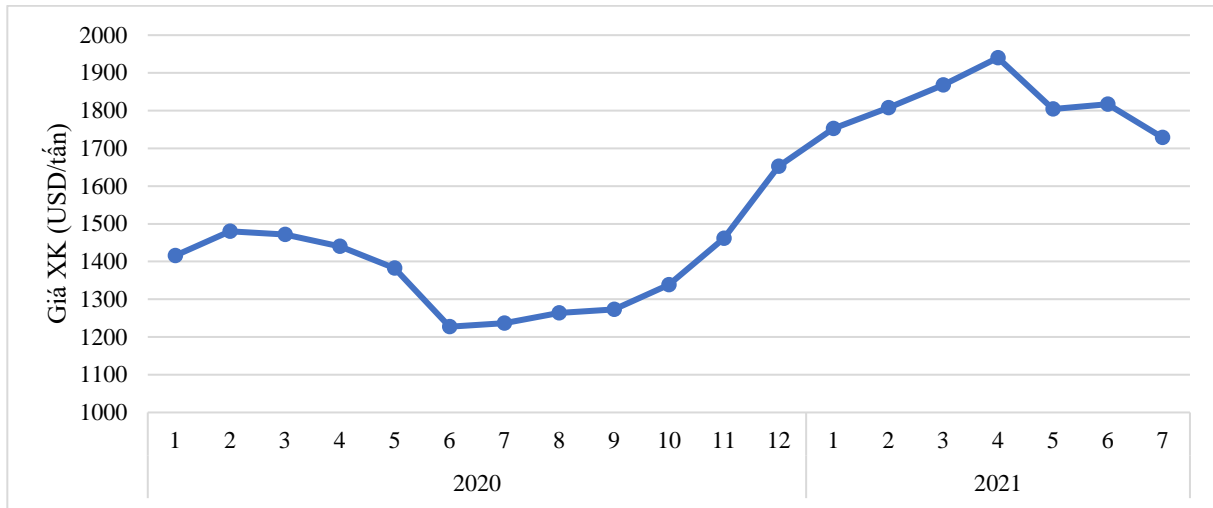
Hình 22: Chủng loại cao su tự nhiên (HS 4001) xuất khẩu sang thị trường EU theo kim ngạch tháng 7/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường EU tăng nhẹ và đạt mức 1.729 USD/tấn trong tháng 7/2021, giảm 4,8% so với tháng trước nhưng tăng 39,8% so với cùng kỳ 2020.

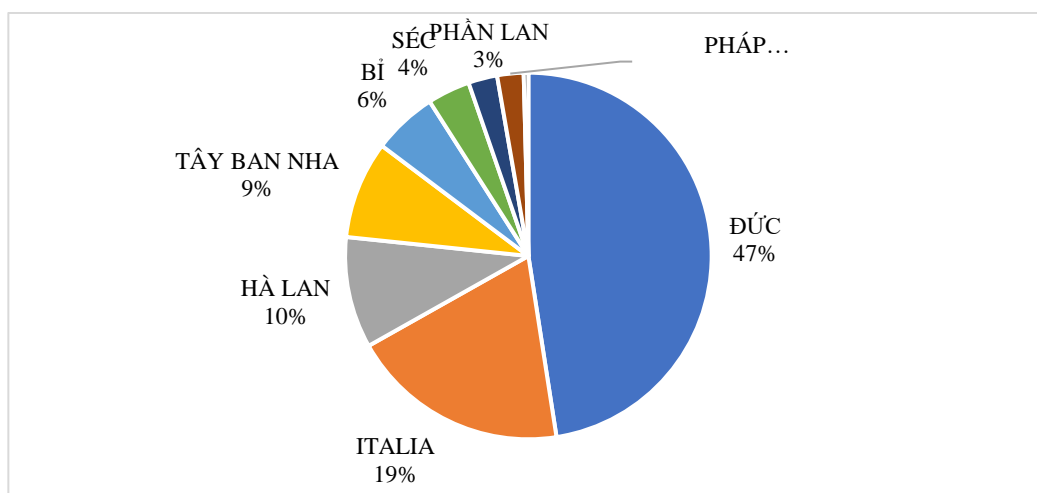
Hình 23: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, Đức là quốc gia nhập khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam với 8,5 triệu USD, chiếm 47,5% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường EU. Italia là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 3,4 triệu USD, chiếm 19,3%. Tiếp theo là Hà Lan, Tây Ban Nha và Bỉ chiếm lần lượt 9,8%, 8,6% và 5,7% trong tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường EU.

Hình 24: Xuất khẩu cao su sang một số thị trường chính trong thị trường EU



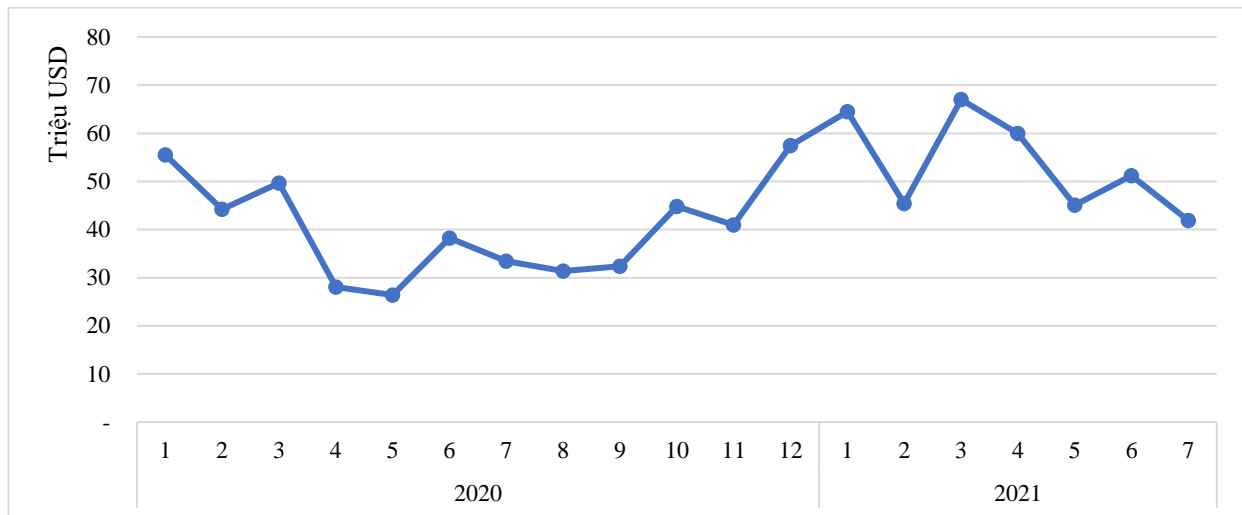
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường EU là Công ty TNHH SX Cao su Liên Anh, Công ty MTV Cao su Dầu Tiếng, Công ty TNHH Gia Phú Anh. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 16,5%, 11,3% và 7,1% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường EU.

9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 7/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU ước đạt 41,9 triệu USD, giảm 18,2% so với tháng trước, nhưng tăng 25,1% so với cùng kỳ 2020.

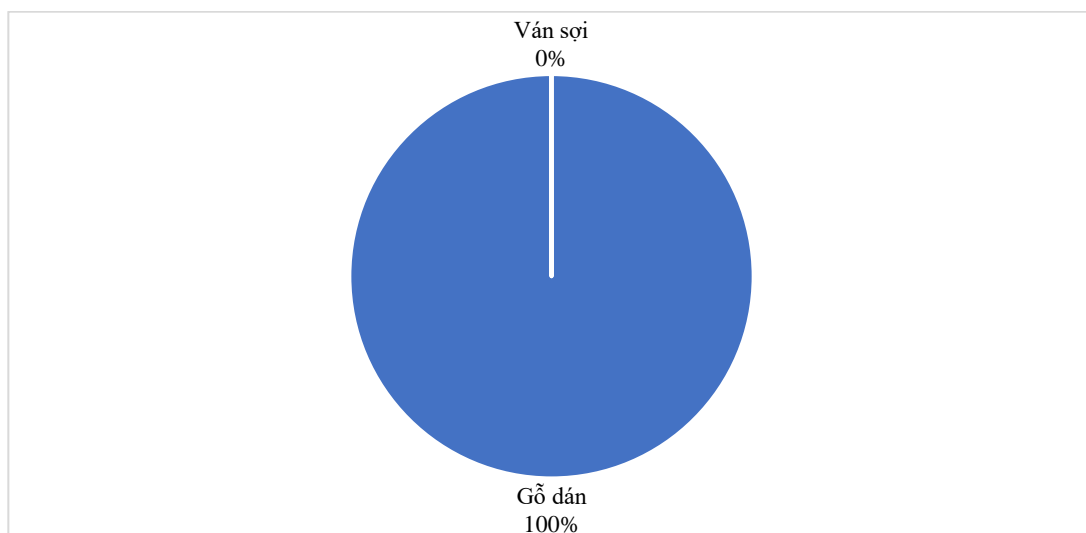
Hình 25: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 7/2021, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 917,3 nghìn USD, chiếm 99,98% tổng giá trị xuất khẩu.

Hình 26: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường EU theo kim ngạch tháng 7/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường EU là Công ty TNHH Xuất khẩu Thiên Đức Phát, Công ty CP TEKCOM và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phương Nam Phát. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 71,4%, 21,2% và 7,5% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường EU.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cà phê

Ủy ban châu Âu (EC) ngày 7/7 đã nâng mạnh dự báo tăng trưởng của Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone), theo đó ước tính nền kinh tế EU sẽ tăng trưởng lần lượt 4,8% trong năm 2021 và 4,5% trong năm 2022, cao hơn so với mức 4,3% và 4,4% đưa ra hồi tháng 5. Theo ước tính của ICO, tiêu thụ cà phê thế giới sẽ tăng 1,9% lên 168 triệu bao 60 kg vào niên vụ 2020/21 (từ tháng 10 năm 2020 đến tháng 9 năm 2021) do nới lỏng các hạn chế liên quan đến Covid-19 và triển vọng phục hồi kinh tế. Tiêu thụ ở các nước nhập khẩu dự kiến sẽ tăng 2,3%, lên 117,09 triệu bao, trong đó, tiêu thụ tại EU sẽ tăng 1,8% so với niên vụ trước, đạt 54,28 triệu bao. Xuất khẩu của Việt Nam vẫn tiếp tục gặp khó khăn khi cước vận chuyển không ngừng tăng cao, cạnh tranh xuất khẩu so với Brazil giảm. Bên cạnh đó, các thị trường nhập khẩu lớn cũng đang đứng trước lo ngại dịch bệnh bùng phát sau thời gian nới lỏng các hạn chế.

2. Hạt điều

Cục Xuất nhập khẩu dự báo trong thời gian tới xuất khẩu hạt điều sang châu Âu sẽ giảm nhẹ sang trong tháng 8 nhưng sẽ tăng trưởng trở lại vào những tháng cuối năm nếu tình hình dịch bệnh sớm được kiểm soát. Nhu cầu tiêu dùng của thế giới nói chung và Châu Âu nói riêng được các chuyên gia dự báo tăng trong giai đoạn 2021-2026. Bên cạnh đó, Việt Nam có đoàn tàu hỏa chở container thẳng từ Hà Nội sang Bỉ, đánh dấu mở thêm tuyến đường vận tải vào sâu trong nội địa châu Âu, sẽ giúp hoạt động lưu thông hàng hóa của Việt Nam thuận lợi hơn. Tuy nhiên, để tận dụng được các lợi thế và giảm tối đa các tiêu cực hiện nay các doanh nghiệp cần có những phương án cụ thể để hạn chế tối đa việc đứt gãy chuỗi sản xuất, và có phương án tiếp cận Vacxin một cách nhanh nhất để tiếp cận trạng thái bình thường mới.

3. Hồ tiêu

Đại dịch Covid-19 tại EU và Việt Nam vẫn còn diễn biến khó lường và tình hình tiêm chủng tuy được thực hiện tương đối rộng khắp song khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng hồ tiêu từ Việt Nam sang EU trong 1-2 tháng tới vẫn chưa có tín hiệu khả quan. Giá xuất khẩu tăng cao liên tục từ tháng 1/2021 tới nay cũng là một trong những nguyên nhân khiến khối lượng xuất khẩu tiếp tục giảm sút kể từ tháng 4/2021, tuy nhiên, tốc độ giảm còn thấp (duy trì ở mức trung bình 3-4%/tháng) và khối lượng xuất khẩu ở tháng 7/2021 vẫn cao hơn mức trung bình của năm 2020.

4. Cao su

Trong báo cáo tháng 7/2021, Tổ chức các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC) điều chỉnh giảm dự báo nguồn cung cao su tự nhiên thế giới năm 2021 so với báo cáo tháng 6, xuống mức còn 13,78 triệu tấn, nhưng vẫn tăng 5,2% so với năm 2020; trong khi nhu cầu cao su tự nhiên thế giới dự báo đạt 13,9 triệu tấn, tăng 7,2% so với năm 2020.

5. Gỗ và các sản phẩm gỗ

Triển vọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ nay tới cuối năm rất khả quan, bởi các thị trường xuất khẩu chính như Mỹ và các quốc gia EU đang bắt đầu trong quá trình phục hồi sau dịch Covid-19, vì vậy nhu cầu tiêu thụ đồ gỗ sẽ tăng cao đáp ứng cho nhu cầu xây dựng tăng mạnh tại các thị trường này.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu Nông Lâm Thủy sản sang thị trường EU tháng 7/2021

STT	Sản phẩm	Tháng 7/2021 (USD)	Tăng/giảm so tháng trước	Tăng/giảm so cùng kỳ năm 2020	Tỷ trọng
1	Cà phê	94.777.966	16,1%	61,9%	22,8%
2	Cao su	17.797.171	2,7%	169,4%	4,3%
3	Chè	317.586	175,5%	74,2%	0,08%
4	Gạo	2.900.928	-24,3%	46,2%	0,7%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	41.927.262	-18,0%	25,3%	10,1%
6	Hàng rau quả	19.485.231	1,4%	27,1%	4,7%
7	Hàng thủy sản	106.121.221	11,4%	8,3%	25,5%
8	Hạt điều	85.770.639	9,4%	34,9%	20,6%
9	Hạt tiêu	14.683.281	4,7%	114,8%	3,5%
10	Sản phẩm mây. tre. cói và thảm	15.989.993	-28,9%	13,6%	3,8%
11	Sản phẩm từ cao su	15.940.240	9,5%	37,7%	3,8%
Tổng 11 mặt hàng chính		415.711.517	-4,2%	28,3%	100,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang EU tháng 7/2021

TT	Loại sản phẩm	Tháng 7/2020		Tháng 7/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	2.763	1.683.873	2.915	2.085.064	5,5%	23,8%
2	Gạo Japonica	361	194.715	943	640.620	161,4%	229,0%
3	Các loại gạo khác	142	106.125	216	175.244	52,2%	65,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang EU tháng 7/2021

TT	Sản phẩm	Tháng 7/2020	Tháng 7/2021	So sánh
		(USD)	(USD)	T7.2021/T7.2020
	Tổng giá trị XK	15.334.793	19.485.231	27,1%
1	Chanh	4.212.071	4.536.680	7,7%
2	Thanh long	1.073.149	2.584.342	140,8%
3	Dừa	1.025.869	2.139.044	108,5%
4	Xoài	1.063.799	1.995.670	87,6%
5	Dứa	868.638	1.003.758	15,6%
6	Vải	190.974	398.399	108,6%
7	Khác	6.900.294	6.827.339	-1,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường EU tháng 7/2021

Loại sản phẩm	Tháng 7/2020	Tháng 7/2021	So sánh
	(tr. USD)	(tr. USD)	2021/20 (%)
Cá da trơn	11.392.393,90	9.735.891,94	17,00%
Cá ngừ	11.962.243,99	14.888.044,82	-19,70%
Cá rô phi	709.399,29	444.412,59	59,60%
Cua, ghẹ	318.143,25	930.032,24	-65,80%
Mực và bạch tuộc	6.796.037,06	4.270.430,39	59,10%
Tôm	61.291.983,12	54.615.292,15	12,20%
Thủy sản khác	13.651.020,03	13.102.793,42	4,20%
Tổng	106.121.220,64	97.986.897,55	8,30%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm cà phê sang thị trường EU tháng 7/2021

Mặt hàng	T7/2020 (USD)	T7/2021 (USD)	So sánh T7/2020 và T7/2021
Chưa rang chưa khử cafein	51.511	85.118	65,24%
Chưa rang đã khử cafein	1.535	4.176	172,09%
Đã rang chưa khử cafein	16	146	829,53%
Đã rang đã khử cafein	212	80	-62,25%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	12	121	895,51%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	5.266	5.136	-2,47%
Tổng	58.552	94.777	61,87%

Nguồn: Tổng cục Hải quan